TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2018/HNGĐ – PT
Ngày: 12/9/2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng.

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Hồng Lam
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Tuyết Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố H

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số141/2018/LHPT ngày 20 tháng 8 năm 2018tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc"Xin ly hôn"

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐ – PT ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:**Anh Nguyễn K C, sinh năm 1978; Địa chỉ: Cụm 4, xã H M, huyện Đ P, thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.

   Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn T H – Công ty Luật Đại Phúc – Đoàn Luật sư thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.
2. **Bị đơn:**Chị Nguyễn T Gi, sinh năm 1981; Địa chỉ: Cụm 4, xã H M, huyện Đ P, thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.
3. **Người có kháng cáo:** Anh Nguyễn K C, sinh năm 1978; Địa chỉ: Cụm 4, xã H M, huyện Đ P, thành phố H; Là nguyên đơn; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2017 và các lời khai tại tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn K C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, tình cảm: Anh Nguyễn K C kết hôn với chị Nguyễn T Gi ngày 28 tháng 10 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K M, quận B Đ, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sinh sống tại số 12B, ngõ 54, đường H H Th, phường Ng H, quận B Đ, thành phố H. Đến năm 2011, vợ chồng chuyển về quê ở Cụm 4, xã H M, huyện Đ P, thành phố H cư trú cùng bố mẹ đẻ của anh Nguyễn K C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ cuộc sống thường ngày giữa hai vợ chồng không có quan điểm chung, bố mẹ vợ quá kỳ thị và coi thường anh, hơn nữa khi làm ăn bị thua lỗ anh không được sự thông cảm và chia sẻ của chị Nguyễn T Gi cũng như bố mẹ anh;Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013. Đến tháng 6 năm 2016, do mâu thuẫn giữa anh với mẹ anh nên anh đã bỏ đi, thuê nhà và sinh sống ở số nhà 135, phố T S, thị trấn Ph, huyện Đ P, thành phố H.Suốt từ thời gian đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn chị Nguyễn T Gi.

Về con chung: Anh Nguyễn K C và chị Nguyễn T Gi có hai con chung là:

- Nguyễn H L, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2005;
- Nguyễn Kh Th Đ, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2006.

Hiện tạicả hai cháu đang sinh sống cùng chị Nguyễn T Gi. Anh Nguyễn K C xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn H L và tự nguyện cấp dưỡng 2,000,000đ/thángcho cháu Nguyễn Kh Th Đ kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi cháu Nguyễn Kh Th Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nhà ở, về công sức, về các khoản nợ: Anh Nguyễn K C không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

Tại giấy tự khai ngày 07/12/2017 và các lời khai tại tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thu Nguyễn T Gi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, tình cảm: Chị Nguyễn T Gi kết hôn với anh Nguyễn K C ngày 28 tháng 10 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K M, quận B Đ, thành phố H.Trong thời gian chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, anh Nguyễn K C chuyển ra ngoài sống riêng gần hai năm nay là do mâu thuẫn giữa anh Nguyễn K C với bố mẹ anh Nguyễn K C, suốt từ thời gian đó anh Nguyễn K C

không về thăm gia đình. Giữa năm 2017 bà nội anh Nguyễn K C mất, anh Nguyễn K C có vài lần về nhà vì công việc của bà nội nhưng cũng không hỏi han quan tâm gì đến vợ cũng như bố mẹ anh Nguyễn K C, vợ chồng sống ly thân 2 năm nay. Nay anh Nguyễn K C xin ly hôn chị không đồng ý vì chị thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, hiện tại chị và các con vẫn đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh Nguyễn K C, các con chị đã lớn nên chị không đồng ý ly hôn anh Nguyễn K C.

Về con chung: Chị Nguyễn T Gi và anh Nguyễn K C có hai con chung là:

- Nguyễn H L Ly, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2005;
- Nguyễn Kh Th Đ, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2006.

Hiện tại hai cháu đang sinh sống cùng chị Nguyễn T Gi. Nếu phải ly hôn chị Nguyễn T Gi xin được nuôi cả hai con chung và đề nghị anh Nguyễn K C cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở tự nguyện của anh Nguyễn K C và theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nhà ở, về công sức, về các khoản nợ: Chị Nguyễn T Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn K C đối với chị Nguyễn Thu Nguyễn T Gi. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí ly hôn sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn là anh Nguyễn K C kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H xét xử theo thủ tục phúc thẩm cho anh Nguyễn K C ly hôn chị Nguyễn T Gi; Anh Nguyễn K C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn H L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Nguyễn K C giữ nguyên nội dung kháng cáo đồng thời xuất trình bản photocoppy các tài liệu có nội dung:Ngày 02/4/2017 anh Nguyễn K C khám bệnh tại Phòng khám tư nhân Thụy Ứng (địa chỉ: 196 phố T S, thị trấn Ph, huyện Đ P, thành phố H); Ngày 12/6/2017anh Nguyễn K C khám bệnh, làm các xét nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa Hồng Ngọc (địa chỉ: 55 phố Y N, quận B Đ, thành phố H);Bản photocoppy hợp đồng thuê văn phòng tại địa chỉ 135 phố T S, thị trấn Ph, huyện Đ P, thành phố H; Các tài liệu chứng minh thu nhập hiện tại của anh Nguyễn K C. Anh Nguyễn K C cho rằng: Với

những tài liệu anh xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm đã chứng minh chị Nguyễn T Gi không còn tình cảm vợ chồng, không làm tròn trách nhiệm người vợ, không quan tâm đến anh, không chăm sóc anh khi anh đau ốm;Anh có đầy đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Anh Nguyễn K C đề nghị hội đồng xét xử: Cho ly hôn chị Nguyễn T Gi;Được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn H L;Tự nguyện cấp dưỡng 2,000,000đ/tháng cho cháu Nguyễn Kh Th Đ kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi cháu Nguyễn Kh Th Đ đủ 18 tuổi.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn K C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và các yêu cầu khác của anh Nguyễn K C.

Bị đơn là chị Nguyễn T Gi xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không trầm trọng như lời anh Nguyễn K C trình bày;Anh Nguyễn K C thuê nhà nơi khác để ở, vợ chồng sống ly thân là do anh Nguyễn K C mâu thuẫn với mẹ đẻ, không phải do mâu thuẫn vợ chồng;Chị vẫn chia sẻ khó khăn, quan tâm chăm sóc anh Nguyễn K C nhưng không được thường xuyênvì anh Nguyễn K C thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng không có cơ hội gần gũi, đồng thời thu nhập của chị có mức độ, chị còn có trách nhiệm chăm sóc hai con chung nên không thể gánh vác toàn bộ các khoản nợ của anh Nguyễn K C;Hiện chị và các con vẫn ở cùng bố mẹ chồng; Chị vẫn còn tình cảm với anh Nguyễn K C và mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Nguyễn T Gi không đồng ý ly hôn và đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn K C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nhận xét, đánh giá việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xửcăn cứ điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H; Về án phí: Anh Nguyễn K C phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Căn cứ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; Căn cứ lời khai của đương sự và lời khai của người tham gia tố tụng; Căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời khai của đương sự, ý kiến những người tham gia tố tụng.

Căn cứ kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 03 tháng 7 năm 2018,nguyên đơn là anh Nguyễn K C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, đơn kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo, là hợp lệ, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại khoản 1 điều 30, điều 203, điều 204 khoản 1 điều 206 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân, tình cảm:

Anh Nguyễn K C và chị Nguyễn T Gi có thời gian tìm hiểu khoảng hơn 6 năm trước khi cưới, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường K M, quận B Đ, thành phố H, là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 điều 9 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ thể hiện:

Sau khi cưới, anh Nguyễn K C và chị Nguyễn T Gi chung sống tại phường K M, quận B Đ, thành phố H, đến năm 2011 vợ chồng chuyển về sinh sống tại Cụm 4, xã H M, huyện Đ P, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn.Anh Nguyễn K C cho rằng khi công việc làm ăn gặp khó khăn anh không được sự chia sẻ của chị Nguyễn T Gi và gia đình.Hơn nữa do mâu thuẫn với bà Ng, bị bà Ng đuổi nên anh phải thuê nhà và sinh sống ở số nhà 135, phố T S, thị trấn Ph, huyện Đ P, thành phố H.Tuy không ở cùng nhà với chị Nguyễn T Gi nhưng anh Nguyễn K C vẫn có trách nhiệm đến các con, đón con về ăn cơm cùng.Anh Nguyễn K C xin ly hôn chị Nguyễn T Gi.

Chị Nguyễn T Gi không đồng ý ly hôn, chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ và xác định chị vẫn còn tình cảm với anh Nguyễn K C; Anh Nguyễn K C bỏ nhà đi không phải vì mâu thuẫn vợ chồng mà do mẹ anh Nguyễn K C đuổi nên anh thuê nhà nơi khác để ở. Trong thời gian anh Nguyễn K C bỏ đi, chị Nguyễn T Gi và hai con chung vẫn sinh sống cùng nhà với bố mẹ anh Nguyễn K C;

Lời khai của các con chung của anh Nguyễn K C, chị Nguyễn T Gi, lời khai của ông T, bà Ng, ý kiến của Hội phụ nữ xã H M, ý kiến của phòng Lao động thương binh và xã hội

huyện Đ P đều đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu của chị Nguyễn T Gi cũng như các con chung của anh chị. Đồng thời, ông T, bà Ng cho rằng quan hệ giữa ông bà với chị Nguyễn T Gi rất tốt, tuy đi làm xa nhưng chị Nguyễn T Gi vẫn quan tâm đến ông bà cũng như mọi công việc trong gia đình, còn mâu thuẫn giữa anh Nguyễn K C với chị Nguyễn T Gi là do anh Nguyễn K C không quan tâm đến vợ con, ngoài ra anh Nguyễn K C còn có quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác, nguyện vọng mong muốn của ông T, bà Ng cũng như các con của anh Nguyễn K C, chị Nguyễn T Gi đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh, chị được đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc chăm sóc con cái, trưởng thành.

Bản án sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H đã nhận định: Việc anh Nguyễn K C xin ly hôn chị Nguyễn T Gi là chưa chính đáng; Chị Nguyễn T Gi vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ;Mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân vẫn còn;Từ nhận định trên, cấp sơ thẩm bác yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn K C; Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn K C nên cấp sơ thẩm không giải quyết về vấn đề con chung.

[2.2]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn K C:

Tại cấp sơ thẩm cũng như trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, anh Nguyễn K C đề nghị Tòa án cho anh ly hôn chị Nguyễn T Gi vì nguyên nhân:Trong cuộc sống thường ngày giữa hai vợ chồng không có quan điểm chung, bố mẹ vợ quá kỳ thị và coi thường anh, hơn nữa khi anh làm ăn bị thua lỗ anh không được sự thông cảm và chia sẻ của chị Nguyễn T Gi cũng như bố mẹ anh;Chị Nguyễn T Gi không làm tròn trách nhiệm người vợ, không quan tâm đến anh. Đến tháng 6 năm 2016, do mâu thuẫn giữa anh với mẹ anh nên anh đã bỏ nhà đi thuê nhà và sinh sống ở số nhà 135, phố T S, thị trấn Ph, huyện Đ P, thành phố H.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của anh Nguyễn K C qua hai cấp xét xử thể hiện rõ: Nguyên nhân anh và chị Nguyễn T Gi sống ly thân là do anh có mâu thuẫn với mẹ đẻ nên đã thuê nhà ở riêng, không phải do mâu thuẫn vợ chồng. Việc anh Nguyễn K C nêu lý do vợ chồng không có quan điểm chung là không phù hợp vì anh và chị Nguyễn T Gi đã có khoảng thời gian tìm hiểu 6 năm trước khi kết hôn, việc kết hôn dựa trên cơ sởtự nguyện của cả hai bên. Chị Nguyễn T Gi xác định vợ chồng không mâu thuẫn trầm trọng như lời khai của anh Nguyễn K C; Chị vẫn chia sẻ khó khăn, quan tâm chăm sóc anh Nguyễn K C nhưng không được thường xuyên vì anh Nguyễn K C thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng không có cơ hội gần gũi đoàn tụ, đồng thời thu nhập của chị có mức độ, chị còn có trách nhiệm chăm sóc hai con chung nên không thể gánh vác toàn bộ các khoản nợ của anh Nguyễn K C, hiện chị và các con vẫn ở cùng bố mẹ chồng, có trách nhiệm với gia

đình; Lời khai của bố mẹ đẻ anh Nguyễn K C cũng xác định quan hệ giữa ông bà với chị Nguyễn T Gi rất tốt, chị Nguyễn T Gi vẫn quan tâm đến ông bà cũng như mọi công việc trong gia đình.

Vì vậy, có căn cứ để xác định lời khai của chị Nguyễn T Gi về tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân của anh chị là đúng thực tế; Nguyện vọng của chị không ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp với tình trạng hôn nhân, phù hợp đề nghị của các con chung và bố mẹ anh Nguyễn K C, phù hợp đạo đức, phù hợp các quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn K C không đưa ra được chứng cứ, tài liệu chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn T Gi mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: "...Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Nguyễn Kh Th Đ được....".

Nhận định, quyết định của bản án sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H phù hợp tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn K C và chị Nguyễn T Gi, phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp các quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, anh Nguyễn K C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới. Các tài liệu anh Nguyễn K C đã nộp tại phiên tòa phúc thẩm là những bản photocoppy không được coi là chứng cứ trong vụ án theo quy định tại điều 93, khoản 1 điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đồng thời, nội dung các tài liệu này cũng không thể hiện mâu thuẫn vợ chồng, không thể hiện chị Nguyễn T Gi không quan tâm chăm sóc anh khi anh đau ốm như anh Nguyễn K C đã trình bày tại phiên tòa.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo ngày 03 tháng 7 năm 2018 của anh Nguyễn K C đối với bản án sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn K C và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H theo quy định tại điều 293, khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là anh Nguyễn

K C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật Ngy theo quy định tại khoản 6 điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 293, khoản 1 điều 308, khoản 6 điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 29Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo ngày 03 tháng 7 năm 2018 của anh Nguyễn K C.
2. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ – ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ P, thành phố H.
3. Án phí ly hôn phúc thẩm: Anh Nguyễn K C phải chịu 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ P đang quản lý (biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010051 ngày 03 tháng 7 năm 2018).
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬPHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự
- Viện Kiểm sát ND tp.H
- Tòa án nhân dân huyện Đ P
- Chi cục THADS huyện Đ P
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Tòa án nhân dân Tối Cao tại H
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

Nguyễn Anh Dũng